

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2022

## **BÁO CÁO**

**Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2010 và Kết luận số 25-KL/TW, ngày 02/8/2012 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Văn bản số 1321/SNN-KHTH ngày 01/06/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 16/8/2004 và Kết luận số 25-KL/TW, ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị; với chức năng, nhiệm vụ được giao Chi cục Kiểm lâm báo cáo kết quả thực hiện như sau:

### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 39-NQ/TW**

#### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW**

a) Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2010 và Kết luận số 25-KL/TW, ngày 02/8/2012 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW. Chi cục Kiểm lâm đã tổ chức quán triệt, phổ biến, triển khai cho toàn lực lượng kiểm lâm về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của Nghị quyết; Qua quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, công chức, lao động hợp trong công tác bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR ở cơ sở.

b) Chi cục Kiểm lâm đã tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT trình tỉnh ban hành Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc tăng cường các biện pháp cấp bách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 về Kế hoạch bảo vệ rừng và PCCCR trên địa bàn tỉnh năm 2018; Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 về Kế hoạch bảo vệ rừng và PCCCR năm 2019; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 14/3/2019 về việc tăng cường công tác bảo vệ rừng và PCCCR; Văn bản số 1519/UBND-KT ngày 13/3/2020 về việc tăng cường các biện pháp cấp bách PCCCR trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 11/UBND-KT ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp cấp bách PCCCR; Quyết định số

463/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 về ban hành Kế hoạch Bảo vệ rừng và PCCCR trên địa bàn tỉnh năm 2022,...

c) Chi cục Kiểm lâm chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương tăng cường công tác tuần tra, truy quét bảo vệ rừng và tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR nhằm cụ thể hóa việc tổ chức thực hiện Nghị quyết. Kết quả, hằng năm các hạt kiểm lâm đã tổ chức 2000 lượt tuyên truyền qua Đài Truyền thanh cấp xã và phối hợp với các ban, mặt trận và hội đoàn thể ở địa phương tổ chức 200 đợt tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng, PCCCR có hơn 10.000 lượt người tham dự; ngoài ra Chi cục Kiểm lâm hợp đồng tuyên truyền với Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh để tuyên truyền công tác bảo vệ rừng và PCCCR, đưa tin cấp dự báo cháy rừng khi cấp dự báo từ cấp III đến cấp V.

d) Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, lực lượng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng tiếp tục được củng cố, tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, phát triển rừng.

## **2. Thực trạng phát triển các vùng chuyên canh; các ngành nông nghiệp chủ lực; các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản**

a) Những năm gần đây do giá cả gỗ nguyên liệu ổn định nên thúc đẩy nhiều hộ gia đình ở các huyện trung du và miền núi tham gia trồng rừng Keo, Bạch đàn để cung cấp gỗ nguyên liệu; nhờ đó người dân có thu nhập ổn định, góp phần xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

b) Hầu hết diện tích đất trồng quy hoạch cho đất lâm nghiệp được người dân sử dụng để trồng rừng. Kết quả, theo số liệu theo dõi diễn biến rừng, diện tích rừng trồng năm 2020 trên địa bàn tỉnh là 96.312,24 ha, năm 2021 là 99.009,25 ha và năm 2004 là 62.129,8 ha so với năm 2004 diện tích rừng trồng tăng 36.879,45 ha.

## **3. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020, 2021 so với năm 2004; so với các địa phương trong vùng và trung bình toàn quốc trong cùng giai đoạn**

a) Tỷ lệ che phủ rừng tỉnh Bình Định năm 2020 là 56,03%, năm 2021 là 56,51% và năm 2004 là 37,5% so với năm 2004 tăng 19,01%.

b) So sánh với các địa phương trong vùng và trung bình toàn quốc trong cùng giai đoạn:

- Theo Quyết định số 1116/QĐ-BNN-TCLN ngày 18/5/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về công bố diện tích rừng và đất chưa sử dụng toàn quốc năm 2004, thì tỉnh Bình Định có độ che phủ rừng cao (37,5%), đứng thứ 30 so với các tỉnh, thành phố trong cả nước và đứng thứ 3 (sau tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng) tại khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Theo Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2020, thì tỉnh Bình Định có độ che phủ rừng tăng lên 56,03%, đứng thứ 12 so với các tỉnh, thành phố trong cả nước và đứng thứ 2 (sau tỉnh Quảng Nam) tại khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ.

c) Diện tích các loại rừng rừng: Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất năm 2004, 2020, 2021, cụ thể như sau:

<b>Phân theo chức năng 3 loại rừng</b>	<b>Năm 2004</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>
<b>Tổng diện tích</b>	<b>374.317,50</b>	<b>379.946,59</b>	<b>379.713,09</b>
<b>1. Chức năng đặc dụng</b>	<b>0,00</b>	<b>32.839,65</b>	<b>32.839,65</b>
a) Đất có rừng	0,00	27.419,06	27.436,11
- Diện tích rừng tự nhiên		26.420,04	26.285,01
- Diện tích rừng trồng		999,02	1.151,10
b) Đất chưa có rừng	0,00	5.420,59	5.403,54
- Mới trồng chưa thành rừng		336,05	209,71
- Đất chưa có rừng các loại		5.084,54	5.193,83
<b>2. Chức năng phòng hộ</b>	<b>199.934,40</b>	<b>178.509,25</b>	<b>178.304,87</b>
a) Đất có rừng	118.692,50	158.749,07	160.311,23
- Diện tích rừng tự nhiên	101.587,30	136.720,65	136.951,18
- Diện tích rừng trồng	17.105,20	22.028,42	23.360,05
b) Đất chưa có rừng	81.241,90	19.760,18	17.993,64
- Mới trồng chưa thành rừng		3.418,71	2.525,00
- Đất chưa có rừng các loại	81.241,90	16.341,47	15.468,64
<b>3. Chức năng sản xuất</b>	<b>174.383,10</b>	<b>168.597,69</b>	<b>168.568,57</b>
a) Đất có rừng	110.504,20	125.106,88	125.564,17
- Diện tích rừng tự nhiên	65.479,60	51.822,08	51.066,07
- Diện tích rừng trồng	45.024,60	73.284,80	74.498,10
b) Đất chưa có rừng	63.878,90	43.490,81	43.004,40
- Mới trồng chưa thành rừng		27.733,00	27.666,30
- Đất chưa có rừng các loại	63.878,90	15.757,81	15.338,10

**Ghi chú:** Rừng trồng năm 2004 bao gồm rừng trồng đã thành rừng và đất mới trồng chưa thành rừng

#### **4. Đánh giá kết quả công tác chăm sóc, bảo vệ rừng, chi trả môi trường rừng và công tác giao đất, giao rừng**

##### a) Công tác bảo vệ rừng:

- Năm 2020: Khoản bảo vệ rừng: 122.192,50 ha; Khoản Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 177,8 ha.

- Năm 2021: Khoản bảo vệ rừng: 121.250,01 ha; Khoản Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 313,7 ha.

- Năm 2004: Khoản bảo vệ rừng: 48.641,48 ha; Khoản Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 26.618,5 ha.

So với năm 2004, diện tích khoản bảo vệ rừng tăng 72.608,57 ha; Khoản Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên giảm 26.304,8 ha.

- Diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ ven biển, phòng hộ, đặc dụng môi trường cảnh quan chủ yếu được giao khoán bảo vệ, khoán khoán nuôi tái sinh cho các hộ, gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn sống ở gần rừng.

- Về khoán nuôi tái sinh rừng: Diện tích giao khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng qua 5 năm giao khoán Sở Nông nghiệp và PTNT xác định thành rừng, các đơn vị đã lập hồ sơ chuyển đổi sang diện tích giao khoán bảo vệ rừng. Công tác giao khoán bảo vệ rừng và khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng đã hỗ trợ cho người dân một phần kinh phí để trang trải trong cuộc sống; do đó đã hạn chế được việc phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ, chặt củi đốt than; đồng thời tạo được mối liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng; hỗ trợ tích cực cho các ngành chức năng trong công tác bảo vệ phát triển rừng.

b) Công tác chăm sóc rừng:

- Năm 2020: 19.900 ha, trong đó: Phòng hộ 840 ha và sản xuất 19.059 ha.

- Năm 2021: 19.750 ha, trong đó: Phòng hộ 750 ha và sản xuất 19.000 ha.

c) Công tác trồng rừng:

- Năm 2020: Trồng 8.500 ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 152,3 ha và trồng rừng sản xuất 8.347,7 ha.

- Năm 2021: Trồng 7.999,95 ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 160,15 ha và trồng rừng sản xuất 7.839,8 ha.

- Năm 2004: Trồng 1.540 ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ: 815 ha và trồng rừng sản xuất: 725 ha.

- Đối với trồng rừng phòng hộ những năm gần đây tỉnh Bình Định đã phát triển trồng rừng phòng hộ hỗn loài trên quy mô rộng, nhiều loài cây bản địa như Sao đen, Lim xanh đã được đưa vào trồng rừng nâng cao hiệu quả phòng hộ, góp phần phục hồi hệ sinh thái rừng, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Đối với rừng sản xuất tập trung chủ yếu làm nhiệm vụ cung cấp gỗ, lâm sản và nguyên liệu cho nhà máy chế biến, vì vậy rừng sản xuất được đầu tư theo hướng thâm canh, nâng cao năng suất, công tác chọn, lựa giống cây trồng chất lượng cao ngày càng được chú trọng.

d) Chi trả dịch vụ môi trường rừng:

- Năm 2020: Tổng thu tiền DVMTR năm 2020: 6.867.512.000 đồng/ Kế hoạch: 7.021.000.000 đồng, đạt 98% kế hoạch. Tổng số tiền DVMTR phải chi trả cho bên cung ứng DVMTR năm 2020: 6.070.761.917 đồng.

- Năm 2021: Tổng thu tiền DVMTR năm 2021: 12.317.435.649 đồng; Kế hoạch: 8.350.600.000 đồng, đạt 148 % kế hoạch. Tổng số tiền DVMTR phải chi trả cho bên cung ứng DVMTR năm 2021: 11.085.692.084 đồng.

- Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh được thực hiện từ năm 2014, năm 2014 thu được 6.095.532.024 đồng.

- Chính sách chi trả Dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật; công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thường xuyên đã từng bước góp phần làm thay đổi nhận thức, ý thức của người dân, tác động tích cực đến công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng, PCCCR trên những lưu vực cung ứng DVMTR và được chi trả tiền DVMTR.

- Những khu rừng cung ứng DVMTR giao khoán cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư bảo vệ đã hạn chế được tình trạng phá rừng hoặc cháy rừng. Ý thức trách nhiệm trong bảo vệ rừng của người dân, cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số được nâng cao.

- Nguồn thu từ việc nhận khoán bảo vệ rừng đã góp phần cải thiện cuộc sống của một bộ phận người dân, nâng cao hiệu quả việc bảo vệ rừng. Đối với đơn vị là tổ chức, nguồn kinh phí thu được từ DVMTR là nguồn tài chính đáng kể cho việc tăng cường lao động tuần tra bảo vệ phát triển rừng.

#### đ) Công tác giao đất, giao rừng:

- Tính đến năm 2020: Diện tích các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và các Công ty TNHH Lâm nghiệp được nhà nước giao, tạm giao quản lý với diện tích 216.214,34 ha; Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh: 11.205,50 ha; Đơn vị vũ trang: 2.266,49 ha; Cộng đồng dân cư: 4.403,42ha (Dự án KfW6: 2.572,73 ha; Dự án WB3: 1.830,69 ha).

- Năm 2021 có 02 Ban QL RPH được nhà nước giao rừng: 47.563,86 ha (Ban QL RPH An Lão: 15.432,8 ha; Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh: 32.131,06 ha).

- Năm 2004: Giao đất lâm nghiệp theo dự án 5 triệu ha rừng, với diện tích 167.621 ha cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

- Công tác giao đất, giao rừng ở từng giai đoạn, thời kỳ được thực hiện khác nhau, chưa đảm bảo theo một hệ thống nhất quán. Chính sách, qui định của Nhà nước về giao đất, giao rừng, cho thuê rừng, trách nhiệm và quyền hưởng lợi của các chủ rừng vẫn chưa cụ thể còn mang tính định hướng dẫn đến địa phương lúng túng trong triển khai thực hiện. Nhận thức của một bộ phận cán bộ cấp huyện, xã về công tác giao rừng còn hạn chế, chưa quán triệt đúng chủ trương về giao đất, giao rừng. Công tác tổ chức triển khai thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng của các ngành, các cấp cũng như việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng rừng còn chậm và thiếu đồng bộ.

### **5. Đánh giá kết quả công tác giải quyết đất ở, đất sản xuất; chấm dứt phá rừng làm nương rẫy (diện tích, số hộ, bình quân ha/hộ) năm 2020, 2021, so với năm 2004**

Công tác giải quyết đất ở, đất sản xuất không thuộc chức năng nhiệm vụ của Chi cục Kiểm lâm, vì vậy Chi cục Kiểm lâm không có số liệu để báo cáo.

## **6. Đánh giá về công tác quản lý bảo vệ diện tích đất rừng hiện có và công tác ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng**

a) Chi cục Kiểm lâm thường xuyên đi cơ sở tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo các hạt kiểm lâm, chủ rừng bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT trình tỉnh ban hành quy trình trồng rừng trên địa bàn tỉnh, thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các chủ rừng thực hiện đúng quy trình trồng rừng UBND tỉnh đã ban hành.

b) Nhiều diện tích rừng có chất lượng cao được hình thành, góp phần nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất lâm nghiệp. Công tác khoán bảo vệ rừng được thực hiện tốt, đời sống kinh tế của các hộ nhận khoán đã được cải thiện, giúp họ ổn định cuộc sống, hạn chế đáng kể tình trạng xâm hại đến tài nguyên rừng.

c) Công tác bảo vệ, phát triển rừng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc chỉ đạo quyết liệt công tác bảo vệ rừng, xử lý nghiêm các hành vi về phá rừng, gây cháy rừng, khai thác rừng trái pháp luật.

d) Phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR tiếp tục được củng cố, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR.

đ) Diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh rất lớn, xong nhiều hộ gia đình, cá nhân chưa được giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gây khó khăn trong công tác quản lý, giám sát khai thác rừng trồng.

e) Nguồn vốn đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của địa phương còn hạn hẹp trong khi vốn đầu tư, hỗ trợ của Trung ương chưa đáp ứng nhu cầu về kinh phí của địa phương.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Thành tựu**

a) Công tác khoán bảo vệ rừng, khoán Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên được các đơn vị triển khai kịp thời.

b) Công tác sản xuất cây giống lâm nghiệp đến nay chưa đạt kế hoạch nhưng đảm bảo đủ để trồng rừng trên địa bàn tỉnh và cung cấp thị trường ngoài tỉnh. Cây giống được quản lý chặt chẽ về nguồn gốc và chất lượng.

c) Các hạt kiểm lâm, chủ rừng và các đơn vị ở địa phương tăng cường tổ chức tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; tổ chức lực lượng chốt chặn các điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản; phối hợp kiểm tra, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn, chiếm rừng trái pháp luật. Nhờ vậy, nhiều vụ việc được phát hiện sớm và xử lý nghiêm theo quy định góp phần giáo dục, răn đe chung.

### **2. Hạn chế, yếu kém**

a) Tình trạng khai thác gỗ trái phép, lấn, chiếm rừng, đất lâm nghiệp để làm rẫy hoặc trồng rừng kinh tế vẫn xảy ra.

b) Tình trạng mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật và tình hình cháy rừng vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

c) Công tác kiểm tra, giám sát các hộ gia đình, cá nhân nhận khoán quản lý bảo vệ rừng một số nơi chưa được chặt chẽ; thiếu kiểm tra, giám sát các hộ gia đình nhận khoán trong việc tuân tra bảo vệ rừng theo hợp đồng giao nhận khoán.

d) Trồng rừng cây gỗ lớn mới tập trung thực hiện ở các Công ty Lâm nghiệp nhà nước, các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân hầu như chưa thực hiện.

### **III. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ, YẾU KÉM**

#### **1. Nguyên nhân của những thành tựu**

a) Nơi nào cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm ủng hộ thì nơi đó thực hiện tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR.

b) Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành và các đơn vị có vùng rừng giáp ranh ngày càng được củng cố chặt chẽ; thường xuyên thông tin chia sẻ kinh nghiệm trong công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng nhờ đó diện tích rừng được giữ vững và độ che phủ của rừng ngày một tăng.

#### **2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém**

a) Nhu cầu đất trồng rừng của người dân lớn nên tìm cách lén lút phá rừng; phát nương rẫy lấn vào rừng tự nhiên.

b) Trong mùa khô cấp dự báo cháy rừng thường xuyên ở cấp IV, cấp V; mặt khác, nhiều diện tích rừng trồng ở gần khu dân cư, khu nghỉ địa người dân thường thấp nhang, đốt vàng mã để cúng tế, do đó khi gặp thời tiết bất lợi dễ xảy ra cháy rừng. Ngoài ra, một số chủ rừng thực hiện chăm sóc rừng không đúng thời vụ, không theo quy trình hướng dẫn nên dễ xảy ra cháy rừng và kết hợp với gió lớn đã tạo điều kiện cho đám cháy lan rộng gây thiệt hại lớn về diện tích.

c) Gỗ rừng tự nhiên ngày càng có giá trị trên thị trường dẫn đến tình trạng mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật ngày càng tăng với nhiều hình thức ngày càng tinh vi, khó phát hiện. Một số đối tượng bất chấp pháp luật, cố tình vi phạm và sẵn sàng chống đối lực lượng chức năng khi bị phát hiện.

d) Một bộ phận thanh niên địa phương không có việc làm ổn định, đời sống khó khăn và bị các đối tượng đầu nậu lợi dụng, lôi kéo đi khai thác, vận chuyển gỗ trái phép.

đ) Công tác quản lý diện tích rừng trồng, diện tích đất lâm nghiệp của một số Ban Quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH Lâm nghiệp chưa chặt chẽ để người dân lấn chiếm đất để sản xuất nương rẫy, trồng rừng.

### **IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

1. Tuân thủ nguyên tắc, triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về công tác bảo vệ, phát triển rừng. Đảm bảo sự phối hợp trong lãnh đạo,

chỉ đạo của lãnh đạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền địa phương. Thường xuyên, quan tâm, phát huy vai trò, trách nhiệm của lực lượng trực tiếp phối hợp quản lý, bảo vệ rừng (kiểm lâm địa bàn, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, công an xã, xã đội, thôn trưởng, cộng đồng dân cư, hộ nhận khoán bảo vệ rừng,...); trong đó phải tạo được niềm tin, sự đồng thuận, ủng hộ của già làng, người có uy tín và Nhân dân.

2. Các Hạt Kiểm lâm, Ban Quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, Công ty TNHH Lâm nghiệp, UBND xã phải chủ động, tích cực, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện/tham mưu chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, nhất là chú trọng công tác phối hợp tuyên truyền, vận động; quản lý tốt địa bàn, thường xuyên theo dõi, nắm bắt, trao đổi thông tin về tình hình quản lý, bảo vệ rừng, PCCCR (nhất là về địa điểm, động cơ, mục đích, nguyên nhân, điều kiện phát sinh vi phạm, phương thức, thủ đoạn của đối tượng vi phạm,...) để xác định triển khai thực hiện, (hoặc tham mưu triển khai thực hiện) các biện pháp phù hợp, sát thực, hiệu quả.

Chi cục Kiểm lâm kính báo Sở Nông nghiệp và PTNT biết, chỉ đạo./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, QLBT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Đức Sáu**